

QUYẾT ĐỊNH số 72/2001/QĐ-BTC ngày 30/7/2001 về việc sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất của mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Quyết định số 67/2001/QĐ-BTC ngày 05/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới như sau:

Mã số			Mô tả nhóm, mặt hàng	Thuế suất (%)
Nhóm	Phân nhóm			
2710			Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bi-tum, trừ dạng thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác có tỷ trọng dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bi-tum chiếm từ 70% trở lên, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó.	
			- Xăng các loại:	
2710	00	11	-- Xăng máy bay	15
2710	00	12	-- Xăng dung môi	10
2710	00	19	-- Xăng loại khác	60
2710	00	20	- Diesel	10
2710	00	30	- Madut	0
2710	00	40	- Nhiên liệu dùng cho máy bay (TC1, ZA1...)	25
2710	00	50	- Dầu hỏa thông dụng	10
2710	00	60	- Naptha, Reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng	60
2710	00	70	- Condensate và các chế phẩm tương tự	10
2710	00	90	- Loại khác	10

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan từ ngày 01 tháng 8 năm 2001. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

-KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

QUYẾT ĐỊNH số 76/2001/QĐ-BTC ngày 08/8/2001 về việc sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất của mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Quyết định số 72/2001/QĐ-BTC ngày 30/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới như sau:

Mã số		Mô tả nhóm, mặt hàng	Thuế suất (%)
Nhóm	Phân nhóm		
2710		Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bitum, trừ dạng thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác có tỷ trọng dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bi-tum chiếm từ 70% trở lên, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó - Xăng các loại:	
2710	00	-- Xăng máy bay	15
2710	00	-- Xăng dung môi	10
2710	00	-- Xăng loại khác	60
2710	00	- Diesel	10
2710	00	- Madut	0
2710	00	- Nhiên liệu dùng cho máy bay (TC1, ZA1...)	25
2710	00	- Dầu hỏa thông dụng	10
2710	00	- Naptha, Reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng	60
2710	00	- Condensate và các chế phẩm tương tự	25
2710	00	- Loại khác	10